

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG

Số 4 Láng Hạ, quận Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2010 đến ngày 30/6/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2010

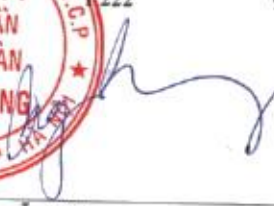
MẪU SỐ B 02A-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/ 2010	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	500 473 666 178	739 166 009 547	247 919 716 261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	2 765 732 648	3 779 445 684	1 726 932 951
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		497 707 933 530	735 386 563 863	246 192 783 310
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	284 378 165 697	455 901 632 463	217 380 234 986
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		213 329 767 833	279 484 931 400	28 812 548 324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	26 253 107 800	55 055 126 947	45 601 484 594
7. Chi phí tài chính	22	26	12 891 274 752	33 265 862 301	41 479 939 671
8. Chi phí bán hàng	24		3 520 670 355	5 773 279 760	5 837 439 133
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26 352 446 811	36 662 095 360	25 593 754 523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		196 818 483 715	258 838 820 926	1 502 899 591
11. Thu nhập khác	31		200 114 445 312	300 140 289 662	1 829 314 538
12. Chi phí khác	32		104 571 884 555	171 592 802 801	895 264 508
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		95 542 560 757	128 547 486 861	934 050 030
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết	45	12	1 343 690 387	16 215 760 396	45 464 553 353
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		293 704 734 859	403 602 068 183	47 901 502 974
16. 1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		73 761 321 096	98 319 539 163	5 007 320 244
16. 2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3 989 677 566	3 989 677 566	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		215 953 736 197	301 292 851 454	42 894 182 730
Trong đó:					
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		16 521 514 683	21 572 720 262	9 963 980 220
17.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		199 432 221 510	279 720 131 192	32 930 202 510
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28		1 222	985


Nguyễn Thanh Nhân
 Kế toán


Hoàng Văn Tuyền
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Dung
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 6 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất